TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV

Số: 4950/NĐCP-KHĐTVT
V/v: Thư mời chào giá cung cấp vật tư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm Vật tư Phụ.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Mua sắm Vật tư Phụ.
- Số hiệu đơn hàng: 223/ĐH-NĐCP ngày 16/10/2026
- Chi tiết Đơn hàng (Theo bảng kê chi tiết đính kèm):

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu qủa sử dụng tại nhà máy.

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của NCC

- Đơn vị tham gia chào giá cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (Có chứng thực trong vòng 06 tháng trở lại đây); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

b. Yêu cầu về thương mại:

- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước.
- Tiêu chí đánh giá về giá được áp dụng theo đơn giá thấp nhất và các tiêu chí khác theo *Bảng Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ báo giá cạnh tranh rút gọn* đính kèm.
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, Phường Cửa Ông, Thành phố Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian giao hàng: Mục số 1 giao hàng trong vòng 80 ngày, mục số 4 giao hàng trong vòng 60 ngày các mục còn lại giao hàng trong vòng 20 ngày tính từ khi hợp đồng được ký kết.
- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 60 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

c. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Hàng hóa, vật tư được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng như sau:

+ Với các mục hàng số 1, 17 nếu là hàng nhập khẩu: Cấp CO, CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương (CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam Với các mục hàng sản xuất trong nước; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng);

Ghi chú: CQ: Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất hoặc các văn bản có giá trị trương đương. CO: giấy chứng nhận xuất xứ, CO do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, mà trên đó thể hiện đơn vị nhập khẩu là doanh nghiệp, hộ kinh doanh...hợp pháp tại Việt Nam. Bên B cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt CO, CQ nếu các chứng từ trên không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của gói thâu thì phải cung cấp bản gốc CO, CQ kèm theo)

+ Với các mục hàng xuất xứ Việt Nam: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có giá trị sau thuế từ 50 triệu đồng/ đơn giá từ 10 triệu đồng trở lên yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất.

+ Mục số 5÷8 cấp giấy kiểm định

- Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo thư mời (*Bản chào giá không đáp ứng yêu cầu này được tính là không hợp lệ).*

- Nhà cung cấp có thể chào giá theo mã yêu cầu hoặc hàng tương đương (đính kèm tài liệu kỹ thuật hàng tương đương, Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất,).

Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp tài liệu bao gồm:

+ Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;

+ Bảng so sánh thông số kỹ thuật.

(Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)

- Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc Đơn hàng trên.

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- Hồ sơ chào giá bao gồm: Đơn chào hàng, bảng chào giá (BCG - *theo biểu mẫu đính kèm)*, Đăng ký kinh doanh (có chứng thực trong vòng 06 tháng trở lại đây), tài liệu chứng minh hàng tương đương (nếu có).

- Ngôn ngữ trong chào giá: Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp

phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

- Hình thức nộp Hồ sơ chào giá: Báo giá được đóng trong phong bì kín có niêm phong của nhà cung cấp, bên ngoài phong bì ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số** 4950 **/NĐCP-KHĐTVT ngày** 30 / 10 **/2026,** được gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau *(Bên mời chào giá chỉ tiếp nhận những hồ sơ chào giá đảm bảo nội dung này)*:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cửa Ông, Thành phố Quảng Ninh.
- Điện thoại: 02033 734 900
- Cán bộ phụ trách: Đinh Thị Phong Lan; Điện thoại: 0775346899

2. *Thời gian chào giá.*

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 09 giờ 00 ' ngày 05 / 11 /2026.
- Thời gian và địa điểm mở bản chào giá vào lúc 09 giờ 30' ngày 05 /11 /2026 tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.

- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, ĐTPL(1).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Vũ Hoàng Lân

Bảng kê chi tiết đơn hàng

(Đính kèm thư mời chào giá số 4950/NĐCP-KHĐTVT ngày 30 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Bơm SALAMI	model: 2PE26D-G28P1-V-VS40; kiểu bơm pittong; tốc độ 1500 v/p; lưu lượng 40 l/phút,		Cái	1	
2.	Bu lông	M12x50 (4.8)		Bộ	216	
3.	Cáp lụa vỏ bọc nhựa	10mm, loại cáp căng chịu lực		m	500	
4.	Đèn pin đội đầu treo mũ	SOFIRN D25S (H25S) Led 1200Lm SS sáng chống thấm nước IPX6 USB Type C sạc lại được		Cái	42	
5.	Đồng hồ đo áp lực	(môi chất hóa chất) dải đo: 0÷2.5 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, chân ren: 3/8" BSP		Cái	6	
6.	Đồng hồ đo áp	dải đo: 0÷4 MPa; Đường kính mặt 100mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 20mm, làm việc trong môi trường dầu DO		Cái	1	
7.	Đồng hồ đo áp	dải đo: 0÷1 MPa; Đường kính mặt 60mm, có chứa dầu chống rung kim; Vật liệu vỏ đồng hồ: inox 304; Kết nối: Chân thẳng chất liệu inox 304, đường kính chân ren 19mm, làm việc trong môi trường nước		Cái	1	
8.	Đồng hồ đo áp	WISE chân sau, ĐK mặt 63mm; chân ren 1/4"; dải đo 0-60bar, làm việc trong môi trường nước		Cái	2	
9.	Đá cắt	Φ 100		Viên	450	
10.	Đá cắt	Φ 350		Viên	44	
11.	dây thép mạ kẽm	dày 2mm		Kg	50	
12.	Giảm chấn	Vòng đệm GR24: có KT: D=55mm; d=27mm; dầy 15mm		Cái	1	
13.	Giảm chấn	Vòng đệm GR24: có KT: D=55mm; d=27mm; dầy 15mm		Cái	1	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
14.	Giảm chấn cao su	Φ55xδ15 (có bản vẽ đính kèm biên bản)		Cái	2	
15.	Giảm chấn cao su đúc 6 múi	D107 x d52 x cao 25		Cái	2	
16.	Khóa cáp thép	Φ10		Cái	200	
17.	Máy thổi dùng pin Makita Dub185RT	(Bộ sản phẩm gồm: Máy thổi, Sạch nhanh (DC18DC), pin 5.0Ah (BL1850), ống thổi);		Cái	13	
18.	Nút bấm	NO màu đỏ XB4BA42 (bao gồm ZB2-BE101C)		Cái	9	
19.	Nút bấm	NO màu xanh XB4BA31 (bao gồm ZB2-BE101C)		Cái	9	
20.	Nhựa Teflon cuộn, dạng cuộn	KT: tiêu chuẩn 1000mm, độ dầy 2mm		m2	1	
21.	Nhựa Teflon cuộn, dạng cuộn	KT: tiêu chuẩn 1000mm, độ dầy 1mm		m2	1	
22.	Ống cao su bố vải chịu áp lực	OSE 5 lớp bố vải Φ34mm áp lực Bp=20Bar		m	60	
23.	Pa lăng xích kéo tay	1 tấn (5 mét) Nito (Kiểm định)		Cái	1	
24.	Que hàn	K7018 Φ3,2		Kg	90	
25.	Que hàn	N46 Φ3,2		Kg	80	
26.	Sàng rây	Đường kính sàng Ø200mm, khung sàng cao 60mm, vật liệu inox, bao gồm các mắt sàng: 10mm; 8mm; 6mm; 4mm; 2mm; 1,5mm; 1mm; 0.5mm; 2.25mm; 0,15mm; 0.1mm; đáy hứng và nắp đậy		Bộ	2	
27.	Ủng nhựa nữ	Size 37		Đôi	1	
28.	Van bi tay gạt	1" inox 3161000 WOG		Cái	12	
29.	Xà phòng bột			Kg	110	

Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ báo giá cạnh tranh rút gọn

(Đính kèm Thư mời chào giá số 4950 /NĐCP-KHĐTVT ngày 30 / 10 /2026)

STT	Các tiêu chí đánh giá			Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu	Kết luận	
1.	Tên vật tư, quy cách và tính hợp lệ của hàng hóa tương đương	- Đáp ứng đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật - Tài liệu kỹ thuật hàng tương đương/ thay thế; Văn bản xác nhận tương đương của hãng sản xuất; Bảng so sánh thông số kỹ thuật nếu chào giá bằng hàng tương đương/ thay thế -	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Bản sao được chứng thực	Đạt	
		Bản photocopy không có chứng thực	Không đạt	
3.	Thư chào hàng và biểu giá chào hàng	- Do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký - Chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời	Đạt	
		- Không do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký - Không chào giá toàn bộ đơn hàng theo thư mời	Không đạt	
4.	Hiệu lực của Bản chào giá	≥ 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
5.	Thời gian thanh toán	- Thanh toán trong vòng 60 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A; Hoặc theo hợp đồng được thỏa thuận và ký kết giữa hai bên - Không tạm ứng hợp đồng	Đạt	
		Tạm ứng hợp đồng hoặc không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
6.	Thời gian giao hàng (tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Mục số 1 giao hàng trong vòng 80 ngày mục số 4 giao hàng trong vòng 60 ngày các mục còn lại giao hàng trong vòng 20 ngày	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
7.	Địa điểm giao hàng	Tại kho vật tư bên mua	Đạt	
		Không giao hàng tại kho bên mua	Không đạt	

STT	Các tiêu chí đánh giá			Ghi chú
	Nội dung	Yêu cầu	Kết luận	
8.	Năm sản xuất hàng hóa	Sản xuất từ năm 2025 trở lại đây	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	
9.	Chứng từ thanh toán kèm theo	- Với các mục hàng số 1, 17 nếu là hàng nhập khẩu: Cấp CO, CQ/ hoặc các văn bản giá trị tương đương (CO: Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam Với các mục hàng sản xuất trong nước; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng) Cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt . - Với hàng hóa sản xuất trong nước: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa, riêng các mục hàng có giá trị sau thuế từ 50 triệu đồng/đơn giá 10 triệu đồng trở lên yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc.	Đạt	
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt	

BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: ..... *(Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)*

Tên đơn hàng: ..... *(Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)*

Số hiệu đơn hàng: ..... *(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)*

Kính gửi: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực – CTCP

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá (TMCG) số hiệu ..... mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....(*Ghi tên Nhà cung cấp*), cam kết thực hiện đơn hàng ..... (*Ghi tên và số hiệu đơn hàng*) theo đúng yêu cầu của TMCG với tổng số tiền là ..... (*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*) cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng .....(*Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của TMCG*).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.

2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ chào giá là trung thực. Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thự hiện theo đúng các quy định trong TMCG số .....*(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá).*

4. Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian .....ngày *(Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là ..... ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu)*, kể từ ngày .....(*Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu*)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: ..... *(Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)*

Tên đơn hàng: ..... *(Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)*

Số hiệu đơn hàng: ..... *(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)*

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)	Ghi chú
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá *(ghi đầy đủ hãng và nước sản xuất)*				8%	10%		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
1	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	
2	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	
n	Hàng hóa thứ n	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	....	
		Tổng giá trị							....	....	....	....	

1. Giao hàng:

a) Thời gian giao hàng:

b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cửa Ông, Thành phố Quảng Ninh, Việt Nam

c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Hàng hóa được sản xuất năm ..... *(trở lại đây)*
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: ..... *(Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).*

4. Bảo hành (nếu có):

5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT bằng tiền VNĐ ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa)